

TOÀ ÁN NHÂN DÂN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
KHU VỰC 3 - NINH BÌNH	NAM
Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Ngày: 04-6-2026	
<i>V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn.</i>	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Thái; Ông Lương Mạnh Tường.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Minh- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Ninh Bình.

Ngày 04 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc: “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn Lâm S ngày 03/4/1990; Số CCCD: 037090003630;

Địa chỉ: Xóm N, xã G, tỉnh Ninh Bình

Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh ngày 27/02/1997; số CCCD: 037197000959; Địa

chỉ: Xóm A, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 4 năm 2026, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Trần Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô Phạm Thị H kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống cùng nhau tại nhà của bố mẹ tôi ở xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình nay là xã G, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên hai bên chỉ sinh sống hạnh phúc được khoảng

vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, trong kinh tế và cách sống có nhiều khác biệt, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tôi và cô H đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xét thấy không thể duy trì cuộc sống vợ chồng với cô H, tôi đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Phạm Thị H.

Về con chung: Tôi và cô H có 01 con chung là cháu Trần Thiên Â, sinh ngày 20/9/2017, hiện cháu đang ở với cô H, tôi đồng ý cho cô H tiếp tục nuôi cháu và việc cấp dưỡng nuôi con chung chúng tôi tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn chị Phạm Thị H thể hiện tại đơn đề nghị đề ngày 06/5/2026: Tôi và anh Trần Văn L kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống cùng nhau tại nhà của bố của anh L tại xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình nay là xã G, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên hai bên chỉ sinh sống hạnh phúc được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chúng tôi ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay anh L xin ly hôn với tôi thì tôi cũng hoàn toàn nhất trí. Về con chung: Tôi và anh L có 01 con chung là cháu Trần Thiên Â, sinh ngày 20/9/2017, hiện cháu đang ở với tôi, tôi xin được tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do công việc tôi phải thường xuyên đi làm xa, nên tôi đề nghị Tòa án cho tôi được vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải và phiên tòa, tôi vẫn giữ quan điểm như trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình đã tiến hành giải quyết theo quy định. Tuy nhiên chị H xin vắng mặt trong các phiên họp và hòa giải tại Tòa án, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt, anh L vẫn giữ quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai là xin ly hôn với chị Phạm Thị H, về con chung: Anh L đồng ý cho chị H được tiếp tục nuôi cháu Trần Thiên Â, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Q, tỉnh Ninh Bình, tuy nhiên bị đơn có đơn chọn Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình là nơi cư trú của nguyên đơn là nơi giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn L và chị Phạm Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, thực tế hai bên đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của anh L với chị H là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Anh L và chị H có 01 con chung là cháu Trần Thiên Â, sinh ngày 20/9/2017, hiện cháu đang ở với chị H. Anh L và chị H thỏa thuận được việc nuôi con chung sau ly hôn, chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Trần Thiên Â cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy: hiện cháu Â đang ở ổn định với chị H, cháu Â cũng có nguyện vọng ở với mẹ, việc giao cháu Â cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các bên, phù hợp quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không có yêu cầu nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Văn L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho anh Trần Văn Lâm ly H1 với chị Phạm Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thiên Ân, sinh ngày 20/9/2017, hiện cháu đang ở với chị H, cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thiên Ân đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thị H.
Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có lí do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Văn L phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 3292 ngày 28/4/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:	T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
- Các đương sự;	Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
- TAND tỉnh Ninh Bình;	
- VKSND Khu vực 3 – Ninh Bình;	
- Thi hành án DS tỉnh Ninh Bình;	
- UBND xã Quang Thiện	
- Lưu hồ sơ vụ án.	Nguyễn Thị Hương Quỳnh

